TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 01 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Huy Cường, ông Phạm Phước Cường.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Phát Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: *ông Trần Chí Tâm - Kiểm sát viên.*

Ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 419/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 551/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 590/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981 (căn cước 089081006545); cư trú tại: tổ 37, ấp C, xã CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* bà Phan Thị A, sinh năm 1987 (chứng minh nhân dân 351862829); cư trú tại: tổ 37, ấp C, xã CP, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông và bà A do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Long (nay là xã CP) vào ngày 22/4/2021. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc, nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cải làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bà A hay bỏ nhà đi, sự việc trên cứ lập đi lập lại nhiều lần. Ông và bà A đã nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra và ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà A.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Phan Thị A vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, cho ông T được ly hôn với bà A.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã CP, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà A xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Long (nay là xã CP)

theo giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 22/4/2021. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, ông bà đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo kết quả xác minh được địa phương cung cấp mâu thuẫn của vợ chồng đúng như lời ông T trình bày. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng ông T cương quyết ly hôn, bà A vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Qua đó, cho thấy bà A không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: ông T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà A không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Phan Thị A.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

- Về án phí dân sự: ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008133 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- PTHADS KV13 – An Giang;
- UBND xã CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang